SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5703000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/05/2001; Số 1800421390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2020)

ICCO40

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định ĐKNY số:……/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày … tháng. . . năm …)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

- **Địa chỉ:** 201/58 Nguyễn Xí, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại**: (028) 3899 0099 **Fax:** (028) 3511 7533
- **Website:** www.l40.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

- **Địa chỉ:** 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội
- **Điện thoại:** (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Địa chỉ:** Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (028) 6290 8686 **Fax:** (028) 6291 0607
- **Website:** www.fpts.com.vn

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Bùi Duy Tiên **Chức vụ:** Tổng Giám đốc

Điện thoại: (028) 3899 0099 **Fax:** (028) 3511 7533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5703000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/05/2001; Số 1800421390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2020)

Địa chỉ: 201/58 Nguyễn Xí, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3899 0099 **Fax:** (028) 3511 7533

Website: www.l40.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: L40

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết: 3.600.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết *(theo mệnh giá)*: 36.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 05, Tòa nhà Sài Gòn 3, Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3827 5026 Fax: (028) 3827 5027

Website: www.rsm.global/vietnam

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN TP. HCM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6290 8686 Fax: (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **5**

1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 6
3. Rủi ro đặc thù 8
4. Rủi ro khác 9

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **10**

1. Tổ chức niêm yết 10
2. Tổ chức tư vấn 10

III. CÁC KHÁI NIỆM **11**

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT **12**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 12
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty : 16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông 17
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKNY, những công ty mà tổ chức ĐKNY đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKNY 18
5. Hoạt động kinh doanh 19
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 29
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 32
8. Chính sách đối với người lao động 34
9. Chính sách cổ tức 35
10. Tình hình hoạt động tài chính 36
11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 41
12. Tài sản 49
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 53
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 55
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKNY 56
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: 56

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT **56**

1. Loại chứng khoán 56

2. Mệnh giá 56
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 56
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: 56
5. Xếp hạng tín nhiệm 56
6. Phương pháp tính giá 57
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 57
8. Các loại thuế có liên quan 58
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 59
1. Tổ chức tư vấn 59
2. Tổ chức kiểm toán 60
VII. PHỤ LỤC 60

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố bên trong mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố của môi trường kinh tế bên ngoài như: tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, tình hình lạm phát, các chính sách lãi suất,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

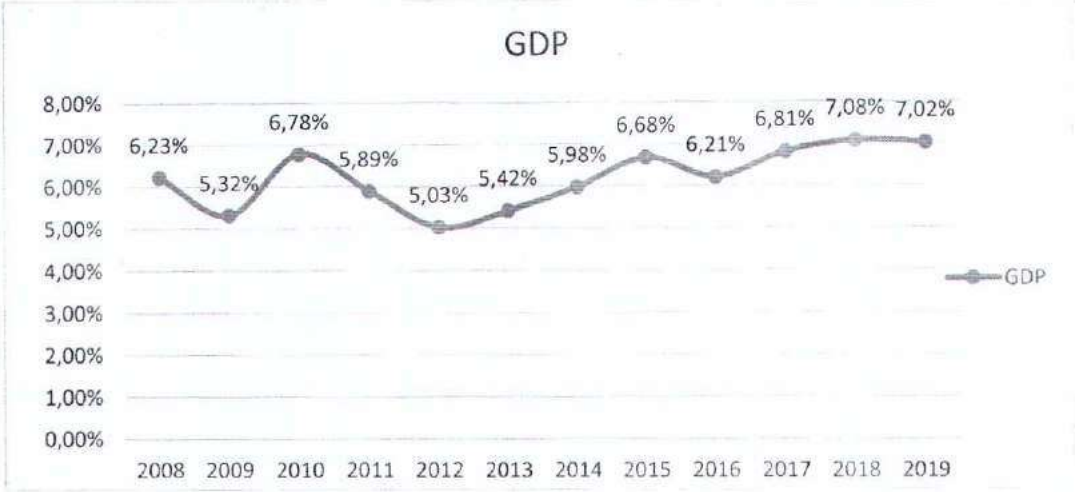

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo đánh giá của World Bank, mặc dù tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động không thuận lợi nhưng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn đứng vững với sự hỗ trợ bởi sức cầu mạnh trong nước kết hợp với sự năng động của các ngành chế tạo, chế biến theo định hướng xuất khẩu. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam cả năm 2019 đạt 7,02%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Tuy nhiên, sang năm 2020, trước bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu (EU) đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Kinh tế Việt Nam năm 2020 đối mặt với nhiều khó khăn, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% là thách thức lớn. Tuy dịch Covid-19 ở Việt Nam đến nay đã được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới, GDP quý III/2020 tăng trưởng khởi sắc so với quý II/2020 Nhưng theo công bố của Tổng cục Thống kê, GDP 9 tháng đầu năm 2020 ước tính chỉ tăng 2,12% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của 9 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp 9 tháng năm 2020 tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ các năm 2011-2020, đóng góp 0,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,6%, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 1,02 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 5,35%, làm giảm 0,32 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế do sản lượng dầu thô khai thác giảm 14,1% và khí đốt tự

nhiên giảm 9,1%. Ngành xây dựng tăng 5,02%, chỉ cao hơn mức tăng trưởng âm 0,01% và 2,78% của 9 tháng năm 2011 và 2012 tính trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,33 điểm phần trăm.

Mặc dù dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2020, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, đạt 21,2 tỷ USD, giảm 18,9% so với cùng kỳ năm trước (Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 09 tháng đầu năm 2020 được Tổng cục Thống kê công bố), tuy nhiên theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, việc sụt giảm này chỉ là vấn đề mang tính thời điểm do làn sóng thứ hai của đại dịch Covid-19 trên thế giới và tại Việt Nam đã có tác động không nhỏ tới dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào nước ta trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh tốt và vẫn rất tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam. Hiện vẫn có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm và có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam vì các doanh nghiệp FDI muốn tìm kiếm các điểm đến có tình hình chính trị, kinh tế ổn định và dịch bệnh được kiểm soát tốt để không ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của họ.

Một trong năm động lực chính giúp Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% trong năm 2020 là động lực từ thể chế, trong đó Chính phủ tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai, thủ tục hành chính, thể chế để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình thuộc các dự án đầu tư công của các địa phương, phụ thuộc nhiều vào chính sách giải ngân của các chính quyền địa phương và các đề án của Nhà nước, Công ty thường xuyên cập nhật các chính sách mới nhất để đưa ra kế hoạch kinh doanh phù hợp.

1.2. Lạm phát

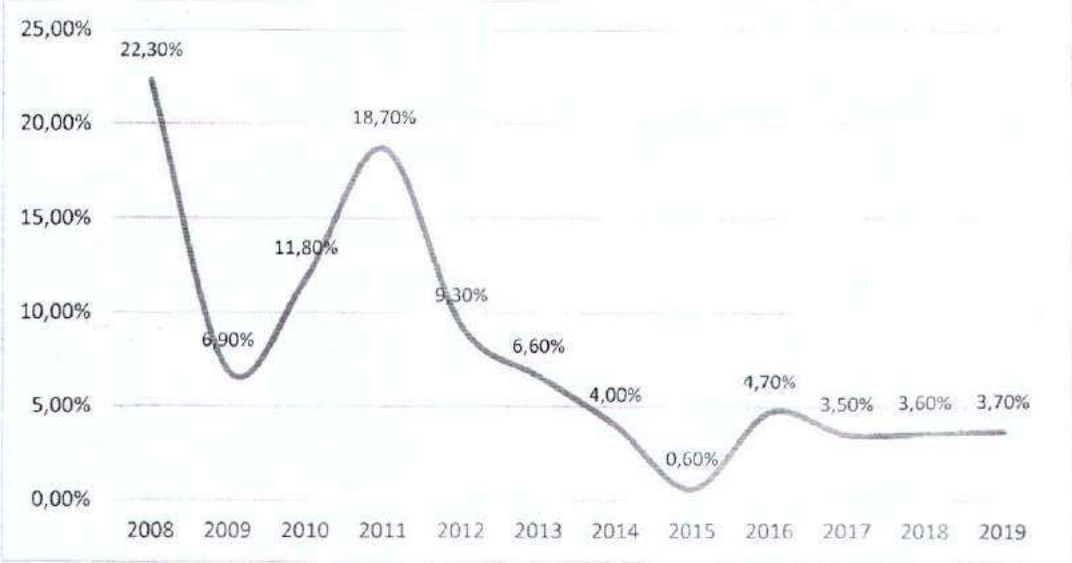

Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Các địa phương điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế làm giá các mặt hàng dịch vụ y tế tăng 18,26% (tác động làm CPI chung tăng 0,71%); Các địa phương thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ làm giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 7,02% (tác động làm CPI chung tăng 0,36%); Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,09% (tác động làm CPI chung tăng 0,18%), giá thịt lợn tăng 5,49% (tác động làm CPI chung tăng 0,23%) và giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như giá nhiên liệu,

chất đốt, sắt thép tăng trở lại làm chỉ số giá xuất, nhập khẩu, chỉ số giá sản xuất công nghiệp, nông nghiệp tăng.

Sang năm 2019, CPI bình quân tăng 2,79% so với năm 2018 do việc tăng giá lương thực, thực phẩm, dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục và xăng dầu. Chính sách tiền tệ được kiểm soát nên áp lực tiền tệ lên lạm phát không cao.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 09 tháng đầu năm 2020 được Tổng cục Thống kê công bố, dưới ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch Covid-19, CPI tháng 9/2020 tăng 0,12% so với tháng trước, tăng 0,01% so với tháng 12/2019, đều là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016 -2020. CPI bình quân 09 tháng năm 2020 tăng 3,85% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do việc điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục tăng theo lộ trình nhằm tiệm cận với giá thị trường; giá điện sinh hoạt tăng do nhu cầu sử dụng điện của người dân tăng trong thời tiết nắng nóng; giá gạo trong nước tăng do giá gạo xuất khẩu của Việt Nam ở mức cao nhất kể từ năm 2011.

Trong bối cảnh dịch này, các chính sách điều hành vĩ mô có ảnh hưởng quan trọng tới nền kinh tế, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch bệnh. Đặc biệt, lạm phát ổn định sẽ không gây sức ép lên mặt bằng lãi suất, tỷ giá, qua đó khiến chính sách tiền tệ có nhiều dư địa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong các năm tới.

1.3. Rủi ro lãi suất

Năm 2019 là năm thể hiện sự thành công trong điều tiết chính sách tiền tệ của NHNN khi nhiều chính sách được ban hành, đồng thời NHNN đã có những động thái can thiệp đúng lúc khi thị trường bắt đầu manh nha có những biến động. NHNN thông báo giảm một loạt lãi suất điều hành vào ngày 13/09/2019. Từ đó, lãi suất huy động giảm xuống, đồng thời giúp lãi suất cho vay cũng giảm theo. Năm 2019, mặt bằng lãi suất cho vay VNĐ duy trì ở mức 6,0% - 9,0%/năm đối với ngắn hạn.

Sang năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tăng trưởng tín dụng đạt mức thấp (tính đến thời điểm 22/9/2020 đạt 5,12%). Tuy nhiên, NHNN đã ba lần điều chỉnh lãi suất điều hành nhằm ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Công ty không có vay nợ ngân hàng nên không chịu rủi ro lớn từ sự biến động lãi suất. Tuy vậy, Công ty vẫn luôn chủ động theo dõi tình hình lãi suất để đưa ra những quyết định đúng đắn và đúng lúc nhằm điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định chuyên ngành để cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành nhằm đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 chính thức có hiệu lực từ ngày 10/7/2018 nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ các dự án có vốn từ nguồn ngân sách Nhà nước nên các văn bản pháp luật điều chỉnh về đầu tư công, chính sách giải ngân đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp,

Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư,... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, các văn bản Luật dần được ban hành mới, sửa đổi bổ sung. Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là hai văn bản: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thi công công trình nên chi phí hoạt động của công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của giá các nguyên vật liệu đầu vào, trong đó chủ yếu là thép và xi măng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Năm 2020, giá thép tiếp tục thuận lợi do các công ty thép xây dựng giảm giá bán để cạnh tranh và duy trì thị phần. Đồng thời, sản lượng thép dư cung trước tình hình sản xuất, tồn kho thép trong nước cao và mức cung từ thép Trung Quốc - một trong những hệ quả của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang diễn tiến cũng như chính sách tăng mức hoàn thuế từ Bộ Tài chính Trung Quốc từ tháng 3/2020. Giá xi măng nội địa không tăng từ năm 2012 do ngành xi măng đang rất khó khăn, chủ yếu từ công suất thiết kế vượt khoảng 50% so với nhu cầu nội địa và chủ trương hạn chế xuất khẩu xi măng của Chính phủ Việt Nam. Đối với cát xây dựng, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đã bổ sung thêm các quy định chặt chẽ hơn trong việc khai thác cát sỏi xây dựng. Trong 9 tháng đầu năm 2020, tổng trữ lượng cát khai thác được rất thấp, không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng, trong khi số lượng công trình lớn ngày càng nhiều nên giá bán tiếp tục bị đẩy lên cao. Ngoài thép, xi măng và cát, các nguyên vật liệu khác được dự báo sẽ ổn định hoặc không quá biến động trong năm 2020.

Để giảm thiểu rủi ro do biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, Công ty chủ động dự báo biến động giá nguyên vật liệu để từ đó có chính sách mua và duy trì lượng tồn kho hợp lý.

3.2. Rủi ro về vốn

Các công trình xây dựng thủy lợi, thủy điện đều có quy mô lớn và cần một nguồn vốn đầu tư phù hợp để thực hiện thi công. Trong khi đó, các chủ đầu tư thường nghiệm thu, quyết toán và thanh toán chậm đã phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty đã tăng cường nhân sự quản lý nguồn vốn và theo dõi sát tiến độ thi công, tiến độ thanh toán của từng hợp đồng cụ thể nhằm thu hồi vốn nhanh, tránh tồn đọng nợ.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cho các công trình công nên để có được dự án thi công, Công ty phải tham gia đấu thầu. Sự cạnh tranh này yêu cầu các Công ty trong ngành nói chung và CTCP Đầu tư và xây dựng 40 phải đầu tư về vốn lớn, công nghệ, thiết bị hiện đại, có đội ngũ tư vấn nhiều kinh nghiệm trong xây dựng, thi công công trình. Để kiểm soát rủi ro này , Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự; tăng vốn điều lệ; hơn nữa ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua chủ trương sáp nhập CTCP Đầu tư và Xây dựng Thuỷ lợi Lâm Đồng và CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 trong năm 2021 nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty để có thể đấu thầu thành công các công trình xây dựng có quy mô lớn hơn, mang lại nguồn Doanh thu và lợi nhuận tốt hơn cho Công ty.

3.4. Rủi ro thời tiết

Với đặc thù thi công ngoài trời, các công trình về thủy lợi chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi thời tiết theo từng mùa, từng đặc điểm của khu vực địa lý, nhất là khi các khu vực đang thi công hiện tại gồm Tây Nguyên và Nam Bộ có lượng mưa lớn và kéo dài theo mùa (bình quân 6 tháng/năm). Do đó, Công ty chủ động đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng vào mùa khô ở các hạng mục khó, đòi hỏi thời tiết khô ráo, các hạng mục không phụ thuộc nhiều vào thời tiết sẽ thực hiện sau vào các tháng nhiều mưa, lũ.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch..., làm giảm lợi nhuận của Công ty và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

Ông: Lê Đình Hiển	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Bùi Duy Tiên	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Hầu Văn Tuấn	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Hoa	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Bà: Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp

(Theo Giấy UQ: 112-2019/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ ĐKNY do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 96 - 2018/TVTC/FPTS-HCM & L40 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
- Tổ chức ĐKNY	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
- L40	Công ty cổ Phần Đầu tư và Xây dựng 40
- Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
- FPTS	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
- UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CTCP	Công ty cổ phần
- BCB	Bản cáo bạch
- BCTC	Báo cáo tài chính
- Logo	Biểu tượng
- HĐQT	Hội đồng Quản trị
- BKS	Ban kiểm soát
- BTGĐ	Ban Tổng giám đốc
- TGĐ	Tổng Giám đốc
- PTGĐ	Phó Tổng giám đốc
- KTT	Kế toán trưởng
- VĐL	Vốn điều lệ
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
- VCSH	Vốn chủ sở hữu
- DT	Doanh thu
- DTT	Doanh thu thuần
- HĐKD	Hoạt động kinh doanh
- BQ	Bình quân
- CP	Cổ phiếu, cổ phần
- NHNN	Ngân hàng Nhà nước
- ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
- NN & PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40**
- Tên Tiếng Anh: 40 Investment and Construction Joint Stock Company
- Tên viết tắt: ICCO40
- Trụ sở chính: 201/58 Nguyễn Xí, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3899 0099
- Fax: (028) 3511 7533
- Website: www.I40.vn
- Logo:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 5703000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/05/2001; Số 1800421390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 36.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 36.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình Hiển - Chủ tịch HĐQT
  Ông Bùi Duy Tiên - Tổng Giám đốc
- Ngành nghề ĐKKD:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, trạm bơm; công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; công trình ngầm dưới đất, dưới nước, công trình đường ống cấp thoát nước. Xây dựng công trình kỹ thuật khác: công trình xử lý nước thải, chống sạt lở đất, khai thác nước ngầm, công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.	**4290 (Chính)**
2	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
4	Giáo dục mầm non (không hoạt động tại trụ sở)	8510
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395

6	Phá dỡ Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng: phá dỡ công trình xây dựng.	4311
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình: thi công kết cấu gạch đá, khoan phụt vữa. Xử lý nền móng công trình. Xây lắp mạng điện hạ thế, trung thế và cao thế.	4390
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng. Bán buôn bê tông thương phẩm, bê tông tươi (không hoạt động tại trụ sở).	4663
9	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị máy công nghiệp và xây dựng.	4659
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa xe máy thiết bị; đóng mới và sửa chữa xà lan; chế tạo, lắp đặt cửa cống và kết cấu thép xây dựng (không hoạt động tại trụ sở công ty).	3312
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (hoạt động phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền).	0810
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng). Giám sát thi công công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	7110
15	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước.	4220
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn lương thực: thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở).	4620
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho lưu giữ hàng hóa lương thực, lâm hải sản (không hoạt động tại trụ sở).	5210

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 là Công ty Xây dựng Thủy lợi 10 – Bộ Thủy lợi, được thành lập ngày 04/12/1975. Công ty là đơn vị chủ lực của Bộ Thủy lợi ở khu vực Tây Nam Bộ, đảm đương phần lớn việc xây dựng các công trình phục vụ mục tiêu ngọt hóa, thoát lũ, xả phèn, xây dựng cụm dân cư trong khu vực.

- Năm 1992, Công ty được Bộ Thủy lợi cho phép chuyển trụ sở về thành phố Cần Thơ – Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Đồng bằng Sông Cửu Long và đổi tên thành Công ty Xây dựng 40.
- Năm 2001, Công ty thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 19/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 28/5/2001, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 với vốn điều lệ 15.391.200.000 đồng.
- Từ tháng 4/2008, Công ty chuyển trụ sở chính về số 46/5 đường D2, phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Từ đây, mọi điều hành của Công ty có nhiều thuận lợi để vươn ra cả miền Tây, miền Đông và Tây Nguyên, nơi có nhiều công trình thủy lợi, thủy điện lớn, đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới.
- Tháng 3/2011, cổ phiếu Công ty được chính thức đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, do những biến động trong cơ cấu cổ đông, Công ty không còn đủ điều kiện là công ty đại chúng và chính thức hủy đăng ký giao dịch vào tháng 01/2014.
- Tháng 6/2019, công ty đủ điều kiện là công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo công văn số 3611/UBCK-GSĐC ngày 12/6/2019.
- Tháng 09/2019, công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 39/2019/GCNCP-VSD ngày 10/09/2019.
- Qua hơn bốn mươi năm hoạt động, Công ty đã xây dựng hàng trăm công trình kênh mương, cầu cống, trạm bơm, đập hồ chứa nước, cụm tuyến khu dân cư, đê, kè… phục vụ quốc kế, dân sinh. Các công trình do Công ty thi công đều đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, tiến độ và được các chủ đầu tư đánh giá cao.
- Với những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng thủy lợi và phát triển nông thôn; Từ việc đổi mới cơ chế quản lý, ứng dụng cơ giới hóa cao và công nghệ tiến bộ góp phần làm hạ giá thành, nâng cao chất lượng, thẩm mỹ và tăng tuổi thọ công trình; Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt quy chế dân chủ …, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 đã đạt được những thành tích như:
    + 01 Huân chương Độc lập hạng ba của Chủ tịch nước.
    + 01 Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước.
    + 02 Huân chương Lao động hạng nhì.
    + 01 Huân chương Lao động hạng ba.
    + 03 cờ Thi đua luân lưu của Chính phủ.
    + Từ năm 1992 đến nay, Công ty đã có 02 công trình được công nhận "Công trình chất lượng tiêu biểu thập kỷ 90" do Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ NN&PTNT, Bộ Khoa học Công nghệ & Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động và Hội Xây dựng Việt Nam bình chọn.
    + 08 Huy chương Vàng các công trình chất lượng cao toàn diện.
    + 05 Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam tại Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ.

Nhiều bằng khen khác của Chính phủ, của Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và chính quyền các địa phương.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/05/2001 với mức vốn điều lệ thực góp là 15.391.200.000 đồng. Từ thời điểm chuyển thành công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 đã trải qua 02 đợt tăng vốn sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 12/2015	4.608,8	20.000	**Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng CP phát hành: 460.880 CP - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá phát hành: 23.100 đồng/CP - Số cổ đông mua cổ phiếu: 04.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2015; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 1800421390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 30/12/2015.
2	Tháng 12/2017	16.000	36.000	**Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng CP phát hành: 998.540 CP - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP - Số cổ đông mua cổ phiếu: 22. **Phát hành cho cán bộ công nhân viên (ESOP):** - Số lượng CP phát hành: 86.500 CP - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá phát hành: 12.000 đồng/CP - Số lượng cán bộ công nhân viên mua cổ phiếu: 41 - Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm. **Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược:** - Số lượng CP phát hành: 136.710 CP - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá phát hành: 20.000 đồng/CP	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 01/12/2017; - Nghị quyết HĐQT số 26/2017/NQ-HĐQTCTy ngày 04/12/2017 thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu. - Giấy chứng nhận ĐKDN số 1800421390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 18/01/2018.

				- Số lượng nhà đầu tư mua cổ phiếu: 16. **Xử lý CP không phân phối hết: (*)** - Số CP bán được: 378.250 CP - Giá bán: 20.000 đồng/CP - Số lượng cổ đông mua cổ phiếu: 08.	

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Cổ phiếu không phân phối hết do người lao động, nhà đầu tư chiến lược và cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, được phân phối lại cho các cổ đông khác có nhu cầu mua thêm cổ phiếu (Bao gồm 07 cổ đông hiện hữu và 1 cán bộ công nhân viên tham gia ESOP).

Cả 02 đợt tăng vốn của Công ty được thực hiện trong giai đoạn không đủ điều kiện là công ty đại chúng, việc thực hiện phát hành được Công ty báo cáo đầy đủ và đúng quy định với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty:

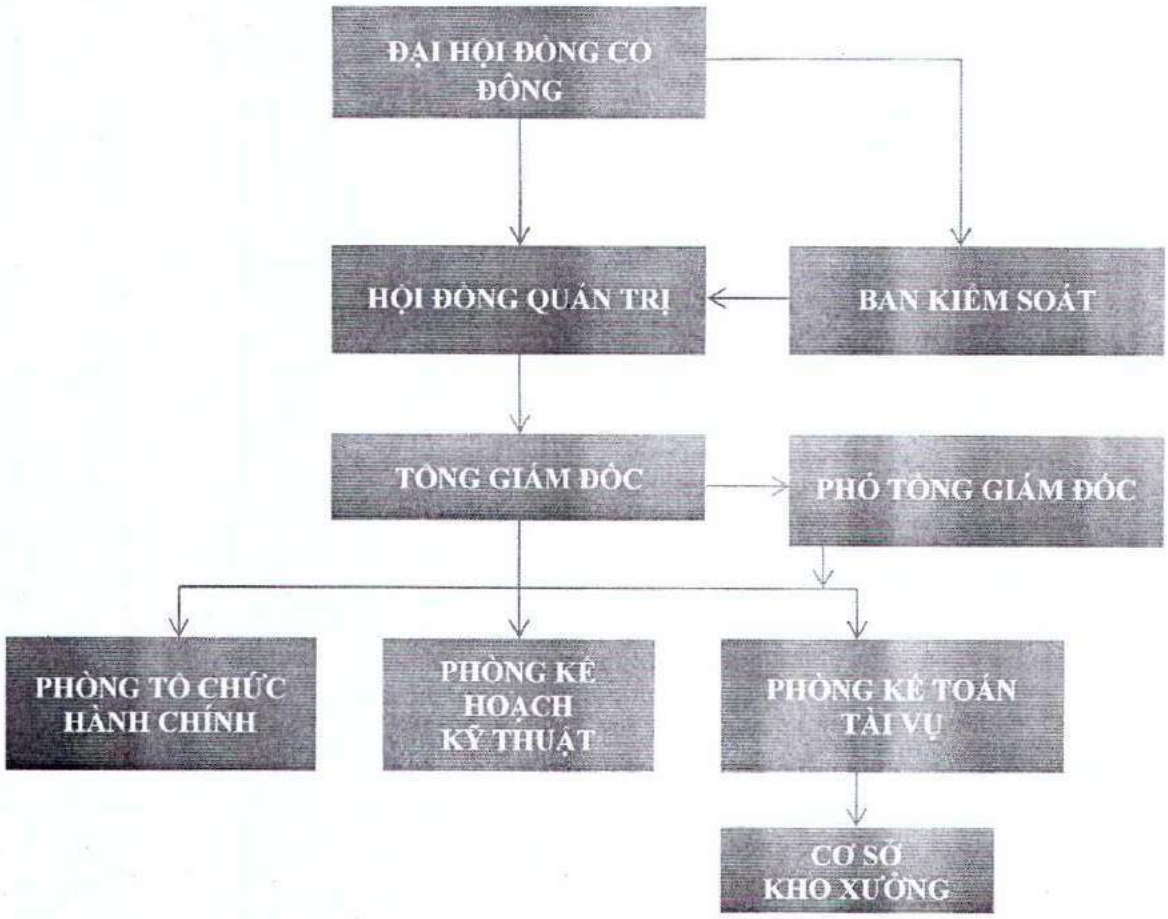

Nguồn: CTCP Đầu tư và xây dựng 40

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng giám đốc (01 người).

Phòng Tổ chức hành chính

Là bộ phận giúp việc Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng quản lý cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ.
- Công tác đào tạo.
- Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật.
- Công tác hành chính văn phòng.
- Công tác lao động và tiền lương.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật

Phòng Kế hoạch kỹ thuật có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc để triển khai chỉ đạo, kiểm tra giám sát đối với các đơn vị trực thuộc về: khoa học công nghệ, kỹ thuật thi công, chất lượng sản phẩm công trình xây dựng, sáng kiến cải tiến, quản lý thiết bị thi công.

Phòng Kế toán tài vụ

Là bộ phận giúp Tổng Giám đốc trong việc tổ chức bộ máy tài chính - kế toán của Công ty; kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế, tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần.

Cơ sở kho xưởng

Là nơi để chứa phụ tùng, phụ kiện thay thế và tập kết máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ từ các công trình thi công hoàn thành về kho xưởng để đại tu, sửa chữa, gia cố, bảo trì nhằm phục vụ cho các công trình tiếp theo.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông

3.1. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**104**	**3.577.000**	**99,36%**
1	Cổ đông tổ chức	02	1.841.000	51,14%
2	Cổ đông cá nhân	102	1.736.000	48,22%
II	**Cổ đông nước ngoài**	-	-	-
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-
III	**Cổ phiếu quỹ**		**23.000**	**0,64%**
	Tổng cộng	**104**	**3.600.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày 04/06/2020

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Bùi Trung Thu – Thành viên HĐQT	270674717	Cẩm Đường, Long Thành, Đồng Nai	750.000	20,83%
2	Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc	013207305	ĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	202.000	5,61%
3	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	5800000424	266 (68 cũ) Hai Bà Trưng, P.6, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	1.836.000	51,00%
Tổng cộng				**2.788.000**	**77,44%**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cung cấp tại ngày 04/06/2020

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 28/05/2001. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2014, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 sở hữu đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKNY, những công ty mà tổ chức ĐKNY đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKNY

❖ **Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKNY:**

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC)

- Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.

- Điện thoại: (0263) 3821854 Fax: (0263) 3832542
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5800000424 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/7/2000, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 17/09/2020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 72.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 72.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  + Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
  + Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
  + Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
  + Khai thác, chế biến khoáng sản;
  + Kinh doanh khách sạn;
  + Hoạt động xuất nhập khẩu;
  + Trồng rừng.
- Tỷ lệ sở hữu của LHC tại L40: 1.836.000 cổ phiếu (tương đương 51% VĐL).
- Ngày 13/01/2010, CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LHC.

❖ **Công ty con và những công ty mà tổ chức ĐKNY đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

- Xây dựng các công trình: thủy lợi, thủy điện, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình ngầm dưới đất, dưới nước, công trình đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật khác: công trình xử lý nước thải, chống sạt lở đất, khai thác nước ngầm, công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng kết cấu công trình: thi công kết cấu gạch đá, khoan phụt vữa;
- Xử lý nền móng công trình.

Một số dự án do Công ty thực hiện/liên danh thực hiện

❖ **Dự án Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm.**

Dự án Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm là công trình thuỷ lợi cấp IV. Dự án với nhiệm vụ phòng hộ, kiểm soát lũ và chống ngập úng do ảnh hưởng xả lũ hồ Dầu Tiếng, kiểm soát triều cường, cung cấp nước tưới tiêu cho sản xuất, khu vực cụm dân cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phường Bình Nhâm, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích khoảng 540,98ha; tiêu thoát nước mưa cho lưu vực từ dự án trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đờn với với tổng diện tích tự nhiên 1.596 ha....

Dự án Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt và được triển khai từ tháng 09/2020. Dự án bao gồm các hạng mục công trình như: Cống kiểm soát triều, Tường cánh cống (kè bảo vệ bờ), Cửa van và thiết bị đóng mở, Kênh dẫn thượng lưu, Cầu giao thông, Đường dẫn lên cầu, Đường gom dân sinh và Khu quản lý công trình.

- **Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương.
- **Nhà thầu:** Liên danh giữa L40 với với Công ty TNHH MTV Trần Trân và Công ty cổ phần Cơ khí và Xây Lắp 276.
- **Gói thầu thi công:** Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm.
- **Giá trị hợp đồng thi công:** 214,669 tỷ đồng. Trong đó, giá trị phần thi công của L40 là 116,152 tỷ đồng.
- **Thời gian ký kết hợp đồng:** 21/09/2020.
- **Thời gian thực hiện:** Dự kiến 720 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật).

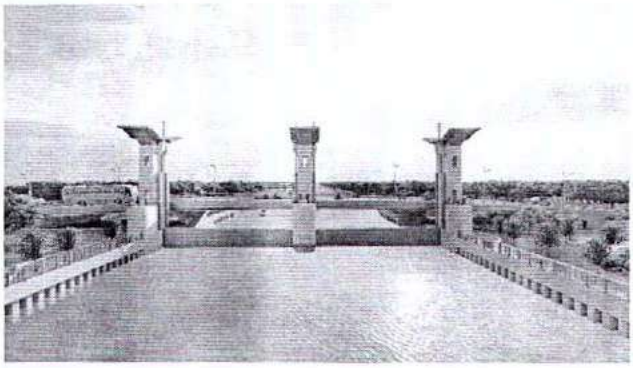

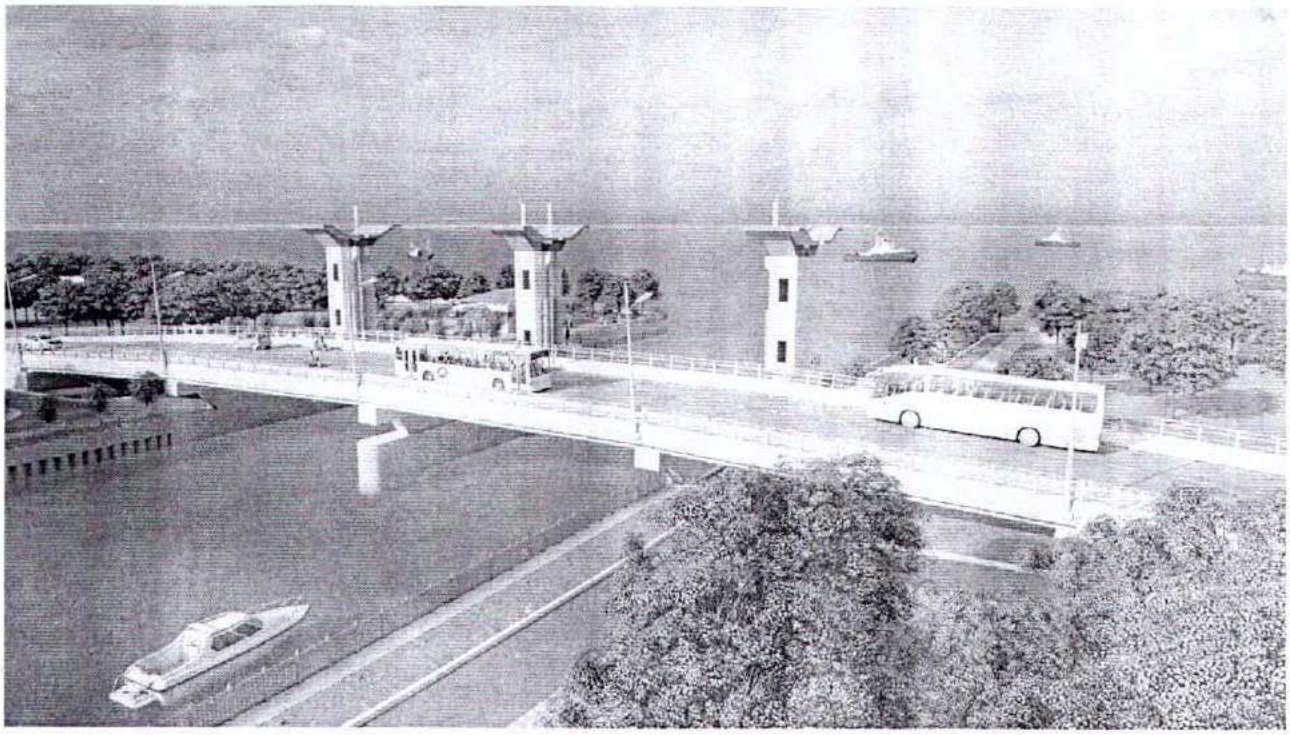

❖ **Dự án hồ chứa nước Đạ Sị, Tỉnh Lâm Đồng**

Dự án Hồ chứa nước Đạ Sị, tỉnh Lâm Đồng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 4431/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017. Mục tiêu đầu tư xây dựng dự án nhằm cấp nước tưới cho 2.500 ha đất canh tác, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, cải thiện môi trường sinh thái, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội cho các xã Tiên Hoàng, Gia Viễn, Nam Ninh và Mỹ Lâm thuộc huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- **Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình NN và PTNT tỉnh Lâm Đồng.

- **Nhà thầu:** Liên danh LHC, L40 và 02 đơn vị khác.
- **Gói thầu thi công:** Gói thầu số 02 XL – Thi công và lắp đặt thiết bị cụm công trình đầu mối.
- **Giá trị hợp đồng thi công:** 175,897 tỷ đồng. Trong đó, giá trị phần thi công của L40 là 61,986 tỷ đồng.
- **Thời gian ký kết hợp đồng:** tháng 04 năm 2019.
- **Thời gian thực hiện:** Dự kiến 20 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

❖ **Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL)**

Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) là dự án được Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ với mục tiêu tăng cường các công cụ lập quy hoạch/kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu cho các hoạt động quản lý tài nguyên đất và nước tại một số tỉnh được lựa chọn ở khu vực ĐBSCL. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến là 384,979 triệu USD, tương đương 8.577,332 tỷ đồng.

- **Chủ đầu tư:** Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10.
- **Nhà thầu:** Liên danh CTCP Xây dựng và Lắp máy Trung Nam – Công ty TNHH Hiệp Hòa – CTCP Đầu tư và Xây dựng 40.
- **Gói thầu thi công:**

  Gói thầu NCB số PMU10-CW-03 – Xây dựng, lắp đặt thiết bị cống Vũng Liêm.

  Tiểu dự án kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long.
- **Giá trị hợp đồng thi công:** 209,610 tỷ đồng. Trong đó, giá trị phần thi công của L40 là xấp xỉ 52,381 tỷ đồng.
- **Thời gian ký kết hợp đồng:** tháng 09 năm 2018.
- **Thời gian thực hiện dự kiến:** 24 tháng.
- **Thời gian hoàn thành thực tế:** tháng 06 năm 2020.

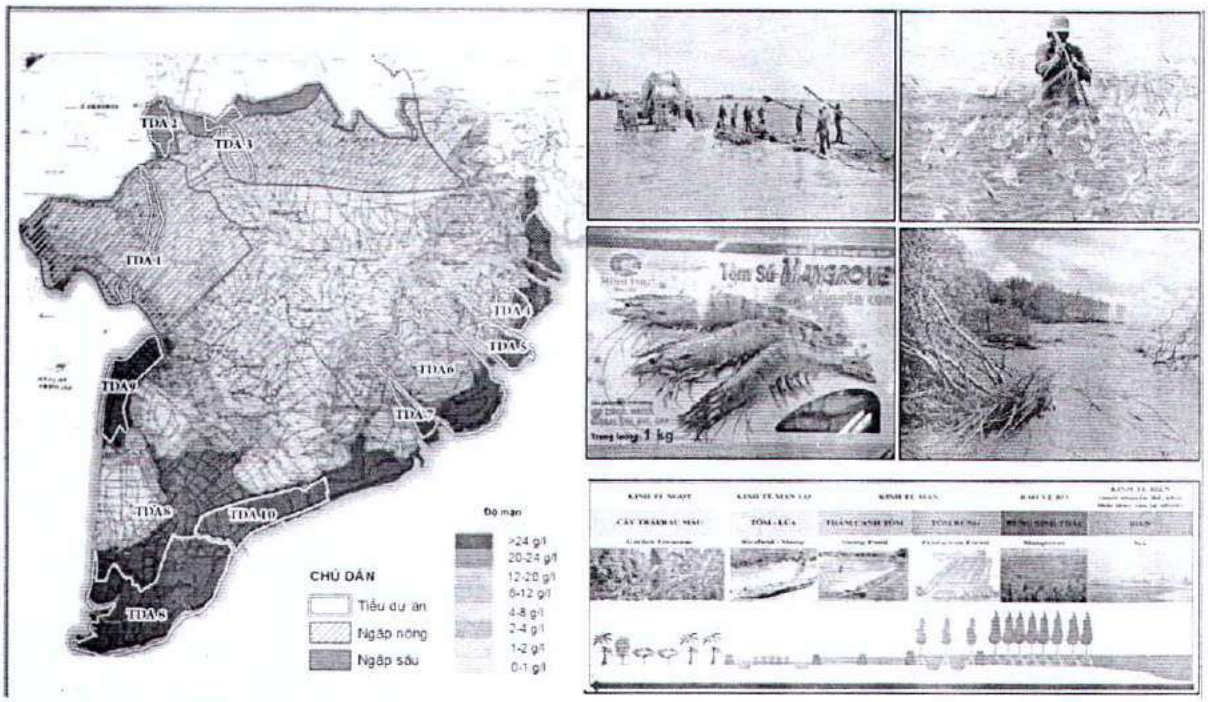

❖ **Một số dự án khác công ty đang thực hiện:**

- Dự án Hệ thống Thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1 tỉnh Bến Tre: Gói thầu xây dựng Cống An Hiệp/BBT-XL09.
- Gói 11 Ba Thê – An Giang.
- Gói 1.6 Cống Ngăn Triều - Cần Thơ.
- Dự án tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông.

❖ **Một số dự án khác đã hoàn thành:**

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (tr.đ) (*)	Giá trị theo khối lượng thực tế thực hiện của L40 (tr.đ)	Thời gian thực hiện	
				Khởi công	Hoàn thành
CỐNG					
1	Cống Bình Giang 2	9.800	9.800	04/2002	05/2003
2	Cống Hội đồng Thành - Cà Mau	6.505	6.505	11/2004	11/2005
3	Cống đập Cần Chông - Trà Vinh	48.300	16.691	11/2004	12/2005
4	Cống Cầu Nhiếm - Cần Thơ	6.302	6.302	10/2005	12/2006
5	Cống Đồng Tây - Trà Vinh	9.441	9.441	09/2006	12/2006
6	Cống Ba Rài Phú An	32.320	30.859	2017	12/2019
7	Cống Vũng Liêm HĐ 27	52.381	52.710	9/2018	6/2020
8	Cống Vũng Liêm HĐ 0609	24.861	25.457	10/2018	6/2020
9	Cống An Hiệp	33.150	31.874	11/2018	3/2020
KÊNH					
1	Kênh Tuần Thống - T5	9.521	9.521	05/1997	08/1997
2	Kênh Hà Giang - KG	9.700	9.700	01/2002	07/2002
3	Kênh tiêu T1 - Đồng Nai	7.196	7.196	06/2004	2006
4	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đờn	34.377	36.102	12/2017	12/2018
5	2.4 Rạch Cu Đinh (K0-K1 +243,35)	23.346	22.723	12/2017	12/2018
6	Rạch Suối Giữa	13.237	13.785	12/2016	5/2019
ĐÊ - ĐẬP - HỒ CHỨA					
1	Hồ chứa nước Tuyền Lâm - Lâm Đồng	19.321	19.321	01/1982	12/1983
2	Hồ chứa nước Kim Long - Đồng Nai	11.806	11.806	09/1986	12/1987
3	Hệ thống đê bao chống lũ thị trấn Sa Rài - Đồng Tháp	13.350	13.350	12/1996	08/1997
4	Đê bao + đường trên đê Vĩnh Hưng - Long An	10.911	10.911	05/2001	12/2002

5	Đập đất Hồ Cầu Mới - Đồng Nai	39.100	39.100	10/2004	07/2007
6	Tràn xả lũ Hồ Cầu Mới - Đồng Nai	11.593	11.593	11/2004	06/2006
7	Đê Bao Tác Ông Thục - Cần Thơ	22.601	22.601	03/2005	8/2006
8	Đê Bao Láng Thế - Trà Vinh	18.902	18.902	02/2005	10/2006
9	Hồ chứa nước Gia Măng	21.159	24.851	12/2015	4/2019
KÈ					
1	Kè Long Bình - Trà Vinh	7.832	7.832	11/1999	09/2000
2	Kè Long Toàn - Trà Vinh	11.483	11.483	12/2000	11/2001
3	Kè Long Bình 2 - Trà Vinh	4.100	4.100	01/2002	12/2002
4	Kè Tân Uyên- Bình Dương	17.121	16.520	8/2017	6/2018
5	Kè Thị Tính	39.861	36.053	3/2018	9/2020
CẦU					
1	Cầu trên Kênh và Xử lý mái kênh Ngay	6.869	6.869	05/2002	05/2003
2	5 Cầu trên kênh 79 - Long An	6.145	6.145	12/2004	02/2006
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN					
1	Công trình Thủy điện Phước Hòa	153.023	148.121	04/2017	08/2019
2	Công trình Thủy điện Minh Tân	28.989	26.685	3/2018	4/2019

(*) Không bao gồm giá trị của các đơn vị liên danh, liên kết thực hiện công trình.

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

5.2. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 1. Cơ cấu Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	215.425	100%	130.467	99,07%	65.414	98,02%
2	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-	1.154	0,88%	1.199	1,80%
3	Doanh thu thuần bán hàng	-	-	66	0,05%	122	0,18%
	Tổng cộng	**215.425**	**100%**	**131.687**	**100%**	**66.735**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC quý III/2020 do Công ty tự lập

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty (trên 98%). Trong khi đó, doanh thu cung cấp dịch vụ chủ yếu đến từ việc cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng…, chiếm khoảng 1-2% tổng doanh thu

thuần của Công ty. Doanh thu thuần bán hàng chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (chưa đến 0,2% tổng doanh thu thuần của Công ty) và phát sinh từ năm 2019 do bán thép cuộn, thép gân còn dư từ công trình Đạ Sị cho LHC.

Bảng 2. Các công trình nghiệm thu trong năm 2019

STT	Dự án	Giá trị nghiệm thu (triệu đồng)
I.	**Giá trị nghiệm thu các công trình**	**130.878**
1	Lắp dựng trụ móng pin nhà máy điện	470
2	Hồ chứa nước Gia Măng	3.588
3	Công trình gói thầu cống Vũng liêm	39.710
	- Cống Vũng Liêm (Hợp đồng số 27)	*22.541*
	- Cống Vũng Liêm (Hợp đồng số 0609)	*17.169*
4	Cống An Hiệp	24.808
5	Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng	2.287
6	Kè Thị Tính	22.449
7	Rạch Suối Giữa	2.249
8	Cống chùa và cống Mương Lộ	2.059
9	Công trình Thủy điện Phước Hòa	6.753
10	Gói 2.2 Rạch Rộ Chòm Sao	4.162
11	Gói Ba Rài Phú An	2.768
12	Công trình Vàm Cỏ Đông	3.554
	- Trong đó: doanh thu với bên có liên quan là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	*1.225*
13	Công trình Hồ chứa nước Đạ Sị	8.678
14	Gói 12 Cống Ngăn Rô	2.995
15	Gói 11 Sóc Trăng	4.348
II	**Các khoản giảm trừ Doanh thu (*)**	**(411)**
	Tổng Cộng (I+II)	**130.467**

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Các khoản giảm trừ doanh thu ghi nhận trong năm 2019 là của các công trình hoàn thành năm trước, tuy nhiên trong năm 2019 khách hàng điều chỉnh giá trị nghiệm thu công trình theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập.

Trong năm 2019, doanh thu thuần hợp đồng xây dựng của Công ty đạt 130.467 triệu đồng, giảm 39,43% so với năm 2018 do: Năm 2019, Công ty trúng thầu được 07 công trình với tổng giá trị các gói thầu là 229.464 triệu đồng, tuy nhiên Công ty mới triển khai thi công được 04 công trình (Công trình Vàm Cỏ Đông, Công trình Hồ chứa nước Đạ Sị, Gói 12 Cống Ngăn Rô, Gói 11 Sóc Trăng) với giá trị nghiệm thu trong năm 2019 là 19.575 triệu đồng (chiếm 15% doanh thu thuần năm 2019 của Công ty). Nguyên nhân là do việc ký kết hợp đồng thực hiện vào cuối năm 2019 và phải chờ chủ đầu tư bàn giao mặt bằng. Phần lớn doanh thu của Công ty trong năm 2019 đến từ việc tiếp tục thực hiện các công trình trúng thầu trong các năm trước. Trong khi đó, một số công trình lớn như Thủy

điện Phước Hòa, Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng đã hoàn thành phần lớn khối lượng công việc trong năm 2018, sang năm 2019 hai công trình này bước vào giai đoạn hoàn thiện nên doanh thu ghi nhận thấp.

Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng 09 tháng đầu năm 2020 của Công ty đạt 65.414 triệu đồng, chỉ bằng 74,55% so với cùng kỳ năm trước do nhiều nguyên nhân khách quan xảy ra trong 09 tháng đầu năm, đặc biệt là dịch Covid-19 đã làm cho các hoạt động thi công công trình của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề. Một số công trình ghi nhận doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2020 như: Tuyến Suối Nhum (10,3 tỷ đồng), Cống Vũng Liêm (9,968 tỷ đồng), Công trình Vàm Cỏ Đông (7,994 tỷ đồng, trong đó doanh thu với bên có liên quan – LHC là 4,249 tỷ đồng), Kênh Ba Thê – An Giang (8,272 tỷ đồng)…

Doanh thu với các bên có liên quan

Đặc thù hoạt động của Công ty là có nhiều công trình do CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (công ty mẹ) ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư, sau đó thuê CTCP Đầu tư và Xây dựng 40 thực hiện. Do đó, doanh thu với các bên liên quan của Công ty chiếm tỷ lệ đáng kể. Năm 2018, doanh thu với các bên liên quan là 109.286 triệu đồng (chiếm 50,73% tổng doanh thu thuần). Tuy nhiên, sang năm 2019, doanh thu này giảm xuống còn 19.273 tỷ đồng (chiếm 14,6% tổng doanh thu thuần) do: các công trình lớn như Thủy điện Phước Hòa, Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng đã ghi nhận doanh thu phần lớn trong năm 2018 (tổng cộng hơn 105.960 triệu đồng). Sang năm 2019, các công trình này bước vào giai đoạn hoàn thiện nên doanh thu ghi nhận thấp (hơn 8.988 triệu đồng), trong khi các công trình mới (Công trình Vàm Cỏ Đông, Hồ chứa nước Đạ Sị…) mới triển khai cuối năm 2019. 09 tháng đầu năm 2020, doanh thu với bên có liên quan của Công ty đạt 7.837 triệu đồng, giảm 15,83% so với cùng kỳ năm 2019 và chỉ chiếm 11,74% tổng doanh thu thuần.

Bảng 3. Doanh thu với các bên có liên quan năm 2018, 2019 và 09 tháng đầu năm 2020

TT	Công trình	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
I	**Năm 2018**	**109.286**	**50,73%**
1	Công trình Thủy điện Phước Hòa	83.836	38,92%
2	Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng	22.124	10,27%
3	Công trình Sơn dốc phần chống thấm	3.326	1,54%
II	**Năm 2019**	**19.273**	**14,64%**
1	Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng (*)	2.235	1,70%
2	Công trình Thủy điện Phước Hòa	6.753	5,13%
3	Công trình Vàm Cỏ Đông	1.225	0,93%
4	Công trình Hồ chứa nước Đạ Sị (**)	8.745	6,64%
5	Doanh thu cho thuê tài sản vận hành	315	0,24%
III	**09 tháng đầu năm 2020**	**7.837**	**11,74%**
1	Công trình Vàm Cỏ Đông	6.057	9,08%
2	Công trình Hồ chứa nước Đạ Sị (***)	1.779	2,67%

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Đã thực hiện giảm trừ 52 triệu đồng từ phần ván khuôn của Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng

(**) Bao gồm: - Doanh thu nghiệm thu công trình Đạ Sị là: 8.678 triệu đồng.

- Doanh thu bán thép dư thừa từ công trình Đạ Sị cho LHC là: 66,497 triệu đồng.

(***)Bao gồm: - Doanh thu nghiệm thu công trình Đạ Sị là: 1.657 triệu đồng.

- Doanh thu bán thép dư thừa từ công trình Đạ Sị cho LHC là: 122,25 triệu đồng.

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Bảng 4. Cơ cấu Lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Lợi nhuận gộp từ hợp đồng xây dựng	15.487	7,19%	12.893	9,79%	8.897	13,33%
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	-	-	1.154	0,88%	1.199	1,80%
3	Lợi nhuận bán hàng	-	-	66	0,05%	122	0,18%
	Tổng cộng	**15.487**	**7,19%**	**14.113**	**10,72%**	**10.218**	**15,31%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Đối với hoạt động xây dựng, tỷ lệ lợi nhuận gộp năm 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 9,79% và 13,33% doanh thu thuần, cao hơn so với tỷ lệ lợi nhuận gộp năm 2018 (7,19% doanh thu thuần) chủ yếu là do các công trình thực hiện trong năm 2019 và 09 tháng đầu năm 2020 sử dụng nhiều máy móc, thiết bị đã trích lập hết khấu hao nên chi phí khấu hao giảm. Bên cạnh đó, số lượng đơn vị tham gia đấu thầu tại các công trình xây dựng có vốn Nhà nước trong năm 2020 giảm, mức độ cạnh tranh thấp hơn nên Công ty trúng thầu được công trình với giá trị gói thầu cao hơn mọi năm.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, do Công ty chỉ cho thuê một phần văn phòng, nhà xưởng hiện không sử dụng nên tiền thuê đất nộp cho Nhà nước hàng năm và khấu hao nhà xưởng, văn phòng cho thuê đang được Công ty ghi nhận chung vào Chi phí quản lý doanh nghiệp cùng với phần diện tích Công ty đang sử dụng. Vì vậy, không phát sinh Giá vốn hàng bán cho hoạt động cung cấp dịch vụ.

Đối với hoạt động bán hàng, do chi phí giá vốn của hàng bán (thép dư thừa) có giá trị nhỏ và đã được ghi nhận cho công trình Đạ Sị nên không phát sinh Giá vốn hàng bán cho hoạt động bán hàng.

5.3. Nguyên vật liệu

- **Nguyên vật liệu chính**

Hoạt động chính của Công ty thuộc lĩnh vực đầu tư và xây dựng công trình nên các yếu tố đầu vào chính của Công ty là thép xây dựng, bê tông tươi và các nguyên vật liệu khác phục vụ cho công tác thi công công trình.

- **Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu**

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất cũng như đảm bảo việc chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đa dạng hóa nhà cung cấp. Công ty luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Chính vì vậy, Công ty luôn đảm bảo được chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, đáp ứng đủ, kịp thời cho các công trình xây lắp mặc dù thị trường nguyên vật liệu luôn bị tác động bởi nhiều yếu tố kinh tế, xã hội.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Do nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm nên việc thay đổi giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn theo dõi chặt chẽ, phân tích đánh giá tình hình thị trường nguyên vật liệu, lựa chọn thời điểm thích hợp để thương lượng và chốt giá hợp lý nhằm tối đa hóa lợi ích cho Công ty.

5.4. Chi phí sản xuất

Bảng5. Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	199.937	92,81%	117.573	89,28%	56.517	84,69%
2	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.454	3,46%	8.485	6,44%	6.045	9,06%
Tổng cộng		**207.391**	**96,27%**	**126.058**	**95,72%**	**62.562**	**93,75%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Chi phí sản xuất kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu thuần của Công ty (hơn 93%), trong đó chủ yếu là Giá vốn hàng bán (chiếm hơn 84-92% doanh thu thuần). Công ty không phát sinh chi phí tài chính do các khoản vay của Công ty tính đến 31/12/2019 là vay bên liên quan (ông Lê Đình Hiển – Chủ tịch HĐQT) với mục đích bổ sung vốn lưu động trong năm, không chịu lãi suất. Sang năm 2020, Công ty đã trả hết các khoản vay này.

Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng cả về giá trị và tỷ trọng trên doanh thu thuần chủ yếu do tăng chi phí nhân viên quản lý. So với 9 tháng đầu năm 2019, chi phí quản lý doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2020 giảm nhẹ, tuy nhiên tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng 2,62% do doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2020 giảm.

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

Bảng 6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

1	Chi phí nguyên vật liệu	106.075	49,74%	35.219	29,57%	23.714	37,30%
2	Chi phí nhân công	26.341	12,35%	14.535	12,20%	11.166	17,56%
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.474	1,16%	2.419	2,03%	1.620	2,55%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.840	35,09%	61.470	51,61%	22.165	34,86%
5	Chi phí khác bằng tiền	3.531	1,66%	5.473	4,59%	4.910	7,73%
	Tổng cộng	**213.261**	**100%**	**119.116**	**100%**	**63.575**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của Công ty. Từ năm 2019, Công ty thuê các đơn vị thi công khác thực hiện các hạng mục nhỏ như đóng cọc, cơ khí… nhằm hạn chế phát sinh chi phí mua máy móc thiết bị mới. Ngoài ra, đối với các công trình cần dẩy nhanh tiến độ, Công ty sẽ thuê thêm đơn vị xây dựng để hỗ trợ. Vì vậy, chi phí nguyên liệu vật liệu và chi phí nhân công năm 2019 giảm, trong khi chi phí dịch vụ mua ngoài tăng từ 35,09% năm 2018 lên 51,61% năm 2019 trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh. 09 tháng đầu năm 2020, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài không phát sinh nhiều do tiến độ thi công các công trình bị chậm so với dự kiến.

5.5. Trình độ công nghệ

Để đảm bảo tiến độ, cũng như chất lượng các công trình thi công, Công ty luôn chú trọng đến công tác đầu tư máy móc, công nghệ thiết bị hiện đại. Hiện tại, Công ty đã đầu tư 5 xe con, 3 máy dầm rung, 8 máy đào, 4 máy ủi, 3 máy phát điện, 4 máy trộn bê tông và nhiều máy móc, thiết bị khác như: máy xay đá, máy rải asphalt, máy san, bộ dầm thép, máy khoan, máy đầm, trạm trộn bê tông, bơm vữa cao áp, máy đo ghi lưu lượng áp suất đồng bộ, xà lan vận chuyển....

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

- Công ty luôn tuân thủ quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn xây dựng an toàn.
- Để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, Công ty đã lập bộ phận chuyên trách thuộc Phòng Kỹ thuật để quản lý dự án, theo dõi sát quá trình xây dựng theo tiến độ.
- Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn, chất lượng công trình và dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Đồng thời, Công ty chú tâm đến việc khảo sát, lắng nghe những phản hồi từ khách hàng nhằm cải tiến sản phẩm, dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu, thị hiếu hiện tại của thị trường.

5.7. Hoạt động Marketing

- Thương hiệu của Công ty đã được minh chứng trong suốt hơn 30 năm hoạt động, được xây dựng dựa trên nền tảng uy tín và chất lượng xuyên suốt các công trình mà Công ty đã thi công. Các cam kết cũng như thực tế chất lượng các công trình đã thi công là phương thức quảng bá hình ảnh hữu hiệu nhất của Công ty đến các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án.
- Ngoài ra, để quảng bá thương hiệu, hình ảnh của mình, Công ty có tham gia các hiệp hội ngành xây dựng, ngành thủy lợi; đăng ký các danh hiệu uy tín chất lượng trong nước, quảng cáo trên các báo chuyên ngành, báo kinh tế trọng điểm, đem đến cho khách hàng, các nhà đầu tư, cổ đông những thông tin đầy đủ, đáng tin cậy nhất về Công ty và sản phẩm, nhằm

tạo điều kiện cho khách hàng có thêm thông tin để đưa ra quyết định đầu tư vào Công ty và qua đó nâng cao giá trị thương hiệu.

- Việc xây dựng thương hiệu còn được thực hiện ngay trong nội bộ đội ngũ người lao động của Công ty. Toàn bộ nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 40 đều thấu hiểu giá trị của việc đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tạo ấn tượng tốt với khách hàng bằng thái độ làm việc nghiêm túc là hình thức quảng bá thương hiệu tốt nhất.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

5.8.1. Logo của Công ty

Logo công ty:

5.8.2. Các sản phẩm đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng

Không có

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 7. Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên Công Trình	Chủ đầu tư	Thời gian ký HĐ	Giá trị hợp đồng (ngàn đồng) (*)	Ghi chú
1	Kênh và CT kênh cấp 1 N9A	Sở NN Tây Ninh	Năm 2019	16.790.000	Đang thi công
2	Công trình Vàm Cỏ Đông	Sở NN Tây Ninh	Năm 2019	44.383.180	Đang thi công
3	Hồ Chứa nước Đạ Sị	Sở NN Lâm Đồng	Năm 2019	61.986.552	Đang thi công
4	Gói 11 Ba Thê – An Giang	Ban QL DA đầu tư xây dựng công trình NN và PTNT tỉnh An Giang	Năm 2019	60.697.846	Đang thi công
5	Gói 12 Ngăn Rô	Ban quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng	Năm 2019	12.172.386	Đang thi công
6	Gói 11 Sóc Trăng	Ban quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng	Năm 2019	15.276.858	Đang thi công
7	Tuyến Suối Nhum	Ban QL dự án ngành NN&PTNT tỉnh Bình Dương	Năm 2019	18.157.039	Đang thi công
8	Gói 1.6 Cống Ngăn Triều	Ban QLDA ĐTXD sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển	Năm 2020	43.336.887	Đang thi công

		chính thức, TP Cần Thơ			
9	Trạm Bơm Xuân Hòa	Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 10	Năm 2020	10.929.614	Đang thi công
10	Cống kiểm soát triều Rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương	Năm 2020	116.151.518	Đang thi công

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Đối với các hợp đồng liên danh thực hiện, số liệu trong bảng trên chỉ lấy phần giá trị hợp đồng tương ứng với phần công việc của L40.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2018, 2019 và 09 tháng đầu năm 2020

Bảng 8. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm	09 tháng đầu năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	109.890	123.543	12,42%	119.776
2	Vốn chủ sở hữu	62.897	63.082	0,29%	63.597
3	Doanh thu thuần	215.425	131.687	-38,87%	66.735
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	8.156	5.666	-30,53%	4.193
5	Lợi nhuận khác	908	209	-76,98%	238
6	Lợi nhuận trước thuế	9.064	5.875	-35,18%	4.431
7	Lợi nhuận sau thuế	7.247	4.695	-35,21%	3.517
8	Tỷ lệ LNST trên VCSH BQ	11,82%	7,45%	-	5,55%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	59,23%	60,95%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Doanh thu thuần năm 2019 của Công ty giảm 38,87%, và lợi nhuận sau thuế giảm 35,21% so với năm 2018 do các công trình lớn trúng thầu trong năm 2019 chưa triển khai được hoặc mới triển khai được ít. Phần lớn doanh thu của Công ty trong năm 2019 đến từ việc tiếp tục thực hiện các công trình trúng thầu trong các năm trước, tuy nhiên các công trình lớn như Thủy điện Phước Hòa, Công trình Thủy điện Minh Tân – Lâm Đồng đã hoàn thành phần lớn khối lượng công việc trong năm 2018, sang năm 2019 hai công trình này bước vào giai đoạn hoàn thiện nên doanh thu ghi nhận thấp.

09 tháng đầu năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 66,73 tỷ đồng, giảm 24,7% so với cùng kỳ năm 2019 do nhiều nguyên nhân khách quan xảy ra trong 09 tháng đầu năm, đặc biệt là dịch Covid-19 đã làm cho các hoạt động thi công công trình của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề. Tuy

nhiên, lợi nhuận sau thế đạt 3,5 tỷ đồng, cao gấp 3,5 lần cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do các công trình thực hiện trong năm 2019 và 09 tháng đầu năm 2020 sử dụng nhiều máy móc, thiết bị đã trích lập hết khấu hao nên chi phí khấu hao giảm. Bên cạnh đó, năm 2020, số lượng đơn vị tham gia đấu thầu tại các công trình xây dựng có vốn Nhà nước giảm, mức độ cạnh tranh thấp hơn nên Công ty trúng thầu được công trình với giá trị gói thầu cao hơn mọi năm. Sau khi dịch covid-19 được kiểm soát, Ban lãnh đạo Công ty đang cố gắng đốc thúc triển khai và đẩy nhanh các dự án để có thể hoàn thành tối đa kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi:

- Sự hội nhập, tham gia WTO của Việt Nam... đòi hỏi sự năng động, sáng tạo và đổi mới của các doanh nghiệp trong tư duy kinh tế, sáng tạo trong kinh doanh, mạnh dạn trong đầu tư đổi mới công nghệ...
- Tập thể lãnh đạo Công ty luôn là một tổ chức đoàn kết, thống nhất, quan tâm đến lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Ban lãnh đạo Công ty năng động, luôn tìm tòi, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế cạnh tranh hiện nay, kịp thời đưa ra những quyết định đúng đắn, đem lại hiệu quả kinh doanh khả quan cho Công ty.
- Công ty có đầy đủ các điều kiện về nhân lực, máy móc, tài chính cũng như nguồn nhân lực trình độ cao để thi công những công trình lớn, đảm bảo chất lượng và tiến độ.
- Công ty đã làm tốt công tác củng cố mối quan hệ với các chủ dự án và khẳng định được chất lượng sản phẩm của chính mình nên đã trúng thầu và kiếm thêm nhiều hợp đồng mới.
- Ngoài ra, Công ty còn được thêm nhiều lợi thế kinh doanh từ công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC), một Doanh nghiệp đang niêm yết tại Sở gia dịch Chứng khoán Hà Nội, với nhiều kinh nghiệm và đối tác trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi, thủy điện. Theo đó, LHC đã hỗ trợ Công ty về mặt kinh nghiệm xây lắp, máy móc thi công, và các dự án do LHC làm thầu chính.

Khó khăn

- Cùng một lúc phải triển khai nhiều công trình trọng điểm với giá trị, khối lượng công việc lớn, tiến độ và cường độ rất căng thẳng. Các công trình nằm phân tán, không tập trung, chủ yếu ở vùng sâu, xa, nước mặn, cũng là nơi có điều kiện địa hình, địa chất rất phức tạp. Do vậy, lực lượng cán bộ kỹ thuật dàn mỏng, công tác điều hành, chỉ đạo gặp khó khăn hơn.
- Một số công trình chưa có nguồn vốn hoặc vốn chậm giải ngân nên bị chậm tiến độ triển khai so với dự kiến. Mỗi công trình thủy lợi gắn với vị trí nhất định, theo đó các điều kiện sản xuất như lao động, vật tư, thiết bị máy móc… phải di chuyển theo, do đó, luôn tồn tại một khoảng cách lớn giữa nơi trực tiếp phát sinh chi phí và nơi hạch toán chi phí, gây không ít khó khăn cho công tác kế toán của doanh nghiệp.
- Trong những năm qua, giá cả vật tư, nhiên liệu của thị trường biến động liên tục, trong khi đó các chủ đầu tư chưa có cơ chế thanh toán phần phát sinh thêm cho các đơn vị thi công, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong năm.
- Ngoài ra, từ đầu năm đến nay, dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và Công ty nói riêng. Vì dịch COVID-19 là một mối lo ngại rất lớn không chỉ đối với các công nhân tại công trường

mà còn cả cộng đồng nên Công ty cho phép các công nhân nghỉ việc tạm thời để về với gia đình và người thân trong giai đoạn giãn cách xã hội. Bên cạnh đó, trong 09 tháng đầu năm 2020, các công trình do Công ty thi công vẫn hoạt động nhưng phải giảm tiến độ để đảm bảo các quy định an toàn theo yêu cầu của Chính phủ.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Trải qua hơn 40 năm trưởng thành và phát triển kể từ khi thành lập năm 1975, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách để tồn tại và phát triển đi lên, nhất là từ sau cổ phần hoá đến nay. Công ty đã trở thành một đơn vị lớn trong hoạt động thi công các công trình cơ sở hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn, các công trình thủy điện, thủy lợi, đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước trên địa bàn vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

Các công trình do Công ty thi công đều đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, tiến độ, được chủ đầu tư đánh giá cao. Công ty luôn cố gắng, nỗ lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng và để duy trì vị thế của mình trong lĩnh vực hoạt động.

7.2. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 9. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	CTCP Xây dựng 47	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	CTCP Xây dựng số 7	CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD3
Mã chứng khoán	**L40**	**TL4**	**C47**	**LHC**	**VC7**	**HU3**
Vốn Điều lệ	36.000	160.083	170.201	72.000	228.793	99.999
VCSH	63.082	330.925	288.699	417.626	251.851	160.867
Tổng tài sản	123.543	1.097.802	1.920.150	638.298	449.376	386.171
Doanh thu thuần	131.687	346.907	894.620	757.568	127.826	476.478
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.666	3.945	-14.847	82.866	-18.480	22.653
Lợi nhuận khác	209	8.874	22.305	16.027	38.564	-899
LNTT	5.875	12.819	7.458	98.893	20.085	21.754
LNST (*)	4.695	9.848	6.401	78.048	12.113	16.681
ROA	4,02%	0,88%	0,17%	13,12%	2,64%	3,23%
ROE	7,45%	4,76%	2,31%	21,46%	4,81%	10,42%
Nợ phải trả/VCSH	0,96	2,3	5,65	0,53	0,78	1,4

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty

(*) Đối với doanh nghiệp có BCTC hợp nhất, số liệu LNST được lấy từ chỉ tiêu LNST của cổ đông công ty mẹ.

7.3. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Xây dựng bước vào năm 2020 trong bối cảnh Việt Nam nói riêng và toàn thế giới nói chung đang bị tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19: Hoạt động xây dựng và thị trường bất động sản trầm lắng. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2020, ngành xây dựng tăng 5,02%, chỉ cao hơn mức tăng trưởng âm 0,01% và 2,78% của 9 tháng năm 2011 và 2012 tính trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,33 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Từ tình hình trên, ngành Xây dựng đã có những giải pháp cấp thiết để đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính về xây dựng cơ bản trên địa bàn các tỉnh nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án; Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch các quỹ đất tạo nguồn vốn đầu tư công; Tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư. Mặc dù đạt được một số kết quả nhất định nhưng hoạt động của ngành xây dựng trong năm vẫn còn những tồn tại, khó khăn như: Chủ đầu tư thực hiện không đúng quy trình, thủ tục, gây chậm trễ trong thanh toán công trình dẫn đến nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu vốn, không đủ sức cạnh tranh; Tiến độ giải ngân của một số dự án, công trình mặc dù có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; Thời tiết diễn biến phức tạp với mưa lớn kéo dài tại nhiều vùng trên cả nước ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình.

Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng đang được thúc đẩy tăng trưởng bởi các dự án giao thông và tiện ích do Chính phủ đầu tư vào các đô thị lớn trên cả nước. Đầu tư vào xây dựng nhà ở và thương mại sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi các khoản đầu tư nước ngoài. Trong thời gian tới, Việt Nam vẫn là một điểm đến hấp dẫn nhờ chi phí thấp hơn và mức độ phát triển cao hơn so với các nước láng giềng Đông Nam Á.

Các công ty trong ngành xây dựng công trình thủy lợi những năm gần đây cạnh tranh khá gay gắt với nhau, tuy nhiên chỉ những công ty với quy mô và chất lượng dịch vụ tốt mới có thể tồn tại và phát triển trong giai đoạn khó khăn này. Với đà tăng trưởng của nền kinh tế, đặc biệt sự chú trọng đầu tư của Chính phủ và các nguồn vốn FDI vào ngành xây dựng sẽ là cơ hội cho các công ty có nguồn năng lực dồi dào phát triển mạnh.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm vừa qua, với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khá thuận lợi và đạt được những kết quả nhất định.

Trong những năm tiếp theo, để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tạo được sự phát triển phù hợp với ngành nghề, định hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Công ty sẽ tiếp tục củng cố xây dựng bộ máy tổ chức, hoàn thiện mô hình cấp đội đủ mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban tham mưu thông qua việc hoàn thiện, ban hành và áp dụng các quy chế quản lý nội bộ để từng bước nâng cao năng lực quản lý cũng như điều hành sản xuất.
- Giữ mối quan hệ với các chủ đầu tư, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho các năm tiếp theo.

- Tăng cường công tác chỉ đạo để thi công hoàn thành vượt mức kế hoạch các công trình trọng điểm.
- Tăng cường công tác khoa học kỹ thuật, quản lý chất lượng, nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại.
- Hoàn thiện quy chế quản lý thiết bị, có chế độ cho người điều hành thiết bị nhằm khai thác hiệu quả thiết bị hiện có.
- Coi trọng công tác nghiệm thu thanh toán, quyết toán với chủ đầu tư, để thu hồi nợ tồn đọng.
- Chăm lo đời sống cho người lao động về cả vật chất và tinh thần, đảm bảo chính sách chế độ về tiền lương cũng như mọi chế độ khác cho người lao động.

Có thể thấy định hướng hoạt động của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành cũng như chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Chính phủ Việt Nam.

8. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn coi con người là tài sản quý giá nhất, vì vậy ngay từ ngày mới thành lập, Công ty luôn chú trọng xây dựng chính sách thoả đáng cho người lao động. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh lành mạnh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo và năng lực làm việc.

8.1. Số lượng người lao động trong công ty

Bảng 10. Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 30/09/2020 là 48 người với cơ cấu như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ lao động**	**48**	**100**
1	Trình độ trên đại học	1	2,08
2	Trình độ đại học, cao đẳng	26	54,17
3	Trình độ trung cấp	1	2,08
4	Công nhân kỹ thuật	20	41,67
II	**Theo loại hợp đồng lao động**	**48**	**100**
1	Hợp đồng không thời hạn	42	87,50
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	6	12,50
III	**Theo giới tính**	**48**	**100**
1	Nam	43	89,58
2	Nữ	5	10,42

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Bảng 11. Thu nhập bình quân người lao động trong công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2016	52	7.000.000

2	2017	58	7.800.000
3	2018	65	8.000.000
4	2019	58	8.000.000
5	9 tháng đầu năm 2020	58	9.000.000

Với mức thu nhập bình quân nêu trên, cùng các chính sách phúc lợi khác, cán bộ công nhân viên Công ty được đảm bảo thu nhập ổn định.

8.2. Chính sách đối với người lao động

8.2.1. Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, L40 luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty. Với đặc thù ngành đòi hỏi lao động có tay nghề cao và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao, có thâm niên và kinh nghiệm trong nghề, từ đó xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

8.2.2. Chính sách đào tạo

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bổ túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu công việc thực tế.

8.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công công trình.

Công ty luôn cố gắng tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể công nhân viên lao động; Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ,...

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các buổi sinh hoạt dã ngoại, các chuyến đi nghỉ mát nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thời gian thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo nên sự gắn kết trong nội bộ Công ty.

8.2.4. Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật về lao động, thuế, bảo hiểm, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành.

9. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau: Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh

toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực hiện nghị quyết về việc này.

Năm	Tỷ lệ cổ tức (%/vốn điều lệ)	Hình thức	Ghi chú
2017	10%	Tiền mặt	Đã hoàn tất thanh toán
2018	12%	Tiền mặt	Đã hoàn tất thanh toán
2019	8%	Tiền mặt	Đã hoàn tất thanh toán

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, 2019, 2020

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Máy móc thiết bị	03 – 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng. Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

10.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Bảng 12. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	515.736.408	926.351.434	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.815.783.131	1.178.465.546	912.993.393
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
5	Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
Tổng cộng		**2.331.519.539**	**2.104.816.980**	**912.993.393**

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ như quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển được Công ty thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và luật định.

Bảng 13. Trích lập các quỹ theo Luật định

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.535.073.268	4.709.108.268	6.117.674.268
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	100.740.751	215.185.751	325.442.751
Tổng cộng		**2.635.814.019**	**4.924.294.019**	**6.443.117.019**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

10.1.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 14. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**	-	-	-
II	**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**	**641.572.500**	**797.339.460**	-
1	Vay cá nhân là bên liên quan (*)	641.572.500	797.339.460	-
Tổng cộng		**641.572.500**	**797.339.460**	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Công ty vay cá nhân Ông Lê Đình Hiển - hiện đang nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT tại Công ty. Các khoản vay cá nhân có lãi suất 0% với mục đích bổ sung vốn lưu động. Tính đến 30/09/2020, Công ty đã trả hết khoản vay này.

10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 15. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	30/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**30.649.521.637**	**45.640.625.257**	**43.244.132.007**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.113.199.463	43.032.555.197	24.257.630.875
	Trong đó: Phải thu các bên liên quan (LHC)	*6.905.897.107*	*2.499.997.000*	*1.680.254.689*
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.676.578.616	548.113.030	13.250.969.535
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-
4	Phải thu ngắn hạn khác (**)	359.743.558	559.957.030	5.735.531.597

	Trong đó: Tạm ứng bên liên quan	-	*400.000.000*	*3.137.000.000*
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**-**	**-**	-
	Tổng	**30.649.521.637**	**45.640.625.257**	**43.244.132.007**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Là khoản Công ty cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9 (đơn vị sự nghiệp kinh tế trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) mượn để thi công các dự án công trình, khoản vay không có lãi suất. Khoản vay này đã được thanh toán trong tháng 9/2020.

(**) Là các khoản tạm ứng cho nhân viên và cấp kinh phí cho các công trình thi công. Trong đó, khoản tạm ứng bên liên quan (ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc) tăng mạnh trong 09 tháng đầu năm 2020 là do để mua sắm thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản tạm ứng này đã được hoàn ứng lại trong tháng 11/2020.

Các khoản phải trả

Bảng 16. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	**Nợ ngắn hạn**	**46.351.770.110**	**59.663.116.740**	**56.179.090.134**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.800.018.062	15.813.446.187	7.856.760.200
	Trong đó: Phải trả các bên liên quan (LHC)	-	*1.978.312.835*	*2.279.516.826*
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.317.879.287	19.544.400.240	29.715.944.338
	Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (LHC)	-	*7.409.094.240*	*1.723.262.435*
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.331.519.539	2.104.816.980	912.993.393
4	Phải trả người lao động	-	1.237.370.400	206.095.499
5	Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	2.006.486.418	958.683.640	1.741.473.519
6	Phải trả ngắn hạn khác (**)	6.758.825.657	6.246.556.302	6.064.254.826
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn (***)	9.036.300.396	13.542.657.240	9.356.125.608
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	100.740.751	215.185.751	325.442.751
II	**Nợ dài hạn**	**641.572.500**	**797.339.460**	-

1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	641.572.500	797.339.460	-
NỢ PHẢI TRẢ		**46.993.342.610**	**60.460.456.200**	**56.179.090.134**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Chi phí phải trả ngắn hạn: là chi phí trích trước giá vốn công trình đã ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Bảng 17. Chi tiết Chi phí phải trả ngắn hạn

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Trích chi phí thầu phụ công trình Vàm Om	358.873.636	358.873.636	358.873.636
2	Trích trước chi phí tiền lương tháng 12/2018	1.000.000.000	-	-
3	Trích trước chi phí nghiệm thu công trình Cống Chùa	500.000.000	-	-
4	Trích trước chi phí công trình Rạch Cua Đinh G2.4	147.612.782	-	-
5	Trích trước chi phí công trình cống An Hiệp	-	599.810.004	-
6	Trích trước chi phí thầu phụ gói 11 Ba Thê	-	-	459.634.575
7	Trích trước chi phí cơ khí Hồ chứa nước Đạ Sị	-	-	681.812.998
8	Trích trước phần thi công cơ khí công trình Gói 11 Sóc Trăng	-	-	241.152.310
	Tổng	**2.006.486.418**	**958.683.640**	**1.741.473.519**

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(**) Phải trả ngắn hạn khác:

Bảng 18. Chi tiết Phải trả ngắn hạn khác

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Kinh phí công đoàn	408.746.926	235.690.120	294.927.844
2	Khoản tạm giữ chờ quyết toán công trình	2.418.404.997	1.710.482.183	1.477.548.983
3	Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh (i)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
4	Phải trả ông Bùi Trung Thu (ii)	2.392.445.734	2.392.445.734	2.392.445.734
5	Nhận ký quỹ, ký cược	-	329.650.000	329.650.000
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.228.000	78.288.265	69.682.265
	Tổng	**6.758.825.657**	**6.246.556.302**	**6.064.254.826**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(i) CTCP Đầu tư & Xây dựng 40 có biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH Hoàng Minh về việc sẽ chuyển quyền thuê đất và tài sản của Công ty tại địa chỉ: 292 đường CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa,

Q.Bình Thủy, TP Cần Thơ khi có sự chấp thuận của cơ quan chức năng, do đó Công ty TNHH Hoàng Minh đã đặt cọc cho Công ty 1,5 tỷ đồng. Tính tại thời điểm hiện tại, Công ty đang chờ sự chấp thuận của cơ quan chức năng.

(ii) Ông Bùi Trung Thu - Thành viên HĐQT cho Công ty vay không tính lãi với số tiền 2,392 tỷ đồng để sửa chữa Văn Phòng số 292 Cần Thơ.

(***) Dự phòng phải trả ngắn hạn: là các khoản dự phòng bảo hành công trình, được trích tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

Bảng 19. Chi tiết Dự phòng phải trả ngắn hạn

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng gói 02 Gia Măng	1.862.152.800	973.901.970	973.901.970
2	Dự phòng bảo hành công trình Cống Vũng Liêm - Trung Nam 18.	1.374.186.918	7.656.814.442	4.948.590.936
3	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng Thủy điện Phước Hòa	856.515.786	1.550.000.000	1.265.271.057
4	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng Rạch Cu Đinh	760.030.700	398.016.200	-
5	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng Gói 3a Thạnh Phú.	664.589.983	333.000.000	-
6	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng khác	3.518.824.209	2.630.924.628	2.168.361.645
	Tổng	**9.036.300.396**	**13.542.657.240**	**9.356.125.608**

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
1.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,37	1,32
1.2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,04	1,18
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
2.1	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	42,76	48,94
2.2	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	74,71	95,84
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	16,33	10,04
3.2	Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,90	1,13
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
4.1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,36	3,57

4.2	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,82	7,45
4.3	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	6,39	4,02
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	3,79	4,30

Nguồn: Tổng hợp dựa trên BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
1	Lê Đình Hiển	Chủ tịch HĐQT (Không độc lập)
2	Hà Huy Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT (Không độc lập)
3	Bùi Trung Thu	Thành viên HĐQT (Không độc lập)
II	**BAN KIỂM SOÁT**	
1	Nguyễn Thị Hoa	Trưởng BKS
2	Lê Thị Thuỷ	Thành viên BKS
3	Dương Văn Vang	Thành viên BKS
III	**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**	
1	Bùi Duy Tiên	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc
IV	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	
1	Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng

11.1. Sơ yếu lý lịch Hội đồng Quản trị

11.1.1. Ông Lê Đình Hiển – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Họ và tên: Lê Đình Hiển
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 07/4/1964
4. Nơi sinh: An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 70 Pastuer, phường 4, TP.Đà Lạt, Lâm Đồng
7. Chứng minh thư nhân dân số: 250412901 - Nơi cấp: CA Lâm Đồng - Ngày cấp: 14/12/2015
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: (028) 3899 0099; Di động: 0913865321
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1986 đến 9/1987	Trung tâm ĐH2 Đại học Thủy lợi Hà Nội	Nhân viên kỹ thuật
Từ 10/1987 đến 4/1996	Xí nghiệp vật liệu xây dựng cơ bản - Công ty Công nghiệp đá xuất khẩu Lâm Đồng	Phó Giám đốc
Từ 5/1996 đến 3/1998	Công ty Xây dựng thủy lợi I Lâm Đồng	Quyền giám đốc
Từ 4/1998 đến 7/2000	Công ty Xây dựng thủy lợi I Lâm Đồng	Giám đốc
Từ 8/2000 đến 30/06/2020	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
Từ 06/2011 đến nay	Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2015 đến 30/06/2020	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
Từ 01/07/2020 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/07/2020 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 1.856.710 cổ phần; tỷ lệ: 51,57% VĐL

- Sở hữu cá nhân: 17.710 cổ phần; tỷ lệ: 0,49% VĐL
- Sở hữu đại diện cho CTCP ĐT&XD Thủy lợi Lâm Đồng: 1.836.000 cổ phần; tỷ lệ: 51% VĐL
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Số CMND/ĐKDN	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
▪ CTCP ĐT&XD Thủy lợi Lâm Đồng	5800000424	Chủ tịch HĐQT; Đại diện sở hữu vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	1.836.000	51%
▪ Phạm Thị Thanh Hương	250615171	Vợ	2.000	0,05%
▪ Lê Thị Hương Giang	250813760	Con gái	1.000	0,03%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.1.2. Ông Hà Huy Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Hà Huy Khánh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 24/5/1955
4. Nơi sinh: Hoàng Xuân, Hoằng Hóa, Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 206 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP. HCM
7. Chứng minh thư nhân dân số: 023039551 - Nơi cấp: CA TP. HCM - Ngày cấp: 26/03/2011
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: (028) 3899 0099; Di động: 0972.222.254
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/1977 đến 04/2000	Công ty Xây dựng Thủy lợi 10	Lần lượt nắm giữ các chức vụ sau: - Phó phòng - Trưởng phòng - Đội trưởng - Giám đốc xí nghiệp
Từ 04/2000 đến 09/2003	Tổng Công ty VLXD số 1	Phó phòng tổ chức cán bộ
Từ 09/2003 đến 02/2004	Công ty Đá Phước Hòa - thuộc Tổng Công ty VLXD số 1	Phó giám đốc
Từ 09/2004 đến 05/2012	Công ty Khai thác và Chế biến khoáng sản Tân Uyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 05/2012 đến 12/2015	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 12/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Phó Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 21.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,58% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,42% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
▪ Hà Văn Dương	024246519	Em	6.000	0,16%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.1.3. Ông Bùi Trung Thu –Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Bùi Trung Thu
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 21/8/1962
4. Nơi sinh: Hà Nam Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Ấp suối Quýt, Xã Cẩm Đường, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
7. Chứng minh thư nhân dân số: 270674717 - Nơi cấp: CA Đồng Nai - Ngày cấp: 27/08/2005
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: (028) 3899 0099; Di động: 0918104308
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Minh
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2001 đến 05/2008	Công ty TNHH Hoàng Minh	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 06/2008 đến nay	Công ty TNHH Hoàng Minh	Phó Giám đốc
Từ 01/2016 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 750.000 cổ phần; tỷ lệ: 20,83% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 750.000 cổ phần; tỷ lệ: 20,83% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.2. Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

11.2.1. Bà Nguyễn Thị Hoa – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Hoa
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 02/09/1964
4. Nơi sinh: Gia Lạc, Gia Viễn, Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 441/15B Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
7. Chứng minh thư nhân dân số: 023667889 - Nơi cấp: CA TP. HCM - Ngày cấp: 12/09/2013
8. Điện thoại: Cơ quan: (028) 3899 0099; Di động: 0978403178
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1986 đến 09/1990	Công ty Xây dựng Thủy lợi 10	Nhân viên kế toán
Từ 10/1990 đến 05/2007	Công ty Quốc tế Yang Ke Việt Nam	Kế toán trưởng
Từ 2008 đến 2009	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Nhân viên Phòng Tổ chức - tiền lương
Từ 2010 đến 2011	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 2012 đến 04/2020	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Kế toán trưởng
Từ 04/2020 đến nay	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Trưởng Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 75.100 cổ phần; tỷ lệ: 2,09% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 56.100 cổ phần; tỷ lệ: 1,56% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Nguyễn Văn Hùng	023142830	Chồng	12.000	0,33%
Nguyễn Tiến Dũng	024101613	Con	3.000	0,08%
Nguyễn Trần Mi Phượng	261103145	Con	2.000	0,06%
Nguyễn Tiến Thành Đạt	025078440	Con	2.000	0,06%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.2.2. Ông Dương Văn Vang – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Dương Văn Vang
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 13/8/1964
4. Nơi sinh: Duy Tiên, Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 132/84 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
7. Chứng minh thư nhân dân số: 035064000452 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư - Ngày cấp: 27/04/2016
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: (028)3899 0099; Di động: 0982853184
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn Giám sát - CTCP Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi II
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1986 đến 2/2004	Công ty Xây dựng Thủy lợi 10	- Cán bộ kỹ thuật - Trưởng phòng Kỹ thuật Xí nghiệp - Phó Giám đốc Xí nghiệp
Từ 3/2004 đến 11/2012	Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng	Trưởng ban Công trình xây dựng thủy điện Đồng Nai 3, Trưởng ban Công trình Phước Hòa

Từ 12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi II	Phó giám đốc Xí nghiệp Tư vấn Giám sát
Từ 03/2016 đến nay	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 35.300 cổ phần; tỷ lệ: 0,98% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 35.300 Cổ phần – tỷ lệ: 0,98% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan: không có
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.2.3. Bà Lê Thị Thuỷ– Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Lê Thị Thuỷ
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 22/04/1987
4. Nơi sinh: Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 7, Thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng
7. Chứng minh thư nhân dân số: 251124314 - Nơi cấp: CA Lâm Đồng - Ngày cấp: 14/06/2014
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 0283 8990099; Di động: 0914961779
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2008 đến 12/2012	Công ty TNHH TM và Dịch vụ Tâm Đan	Nhân viên kế toán
Từ 11/2013 đến 08/2015	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hưng Thịnh	Nhân viên kế toán
Từ 03/2016 đến 11/04/2020	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Nhân viên Phòng Tổ chức - tiền lương

Từ 11/04/2020 đến nay	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính.

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 6.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,168% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần; tỷ lệ: 0,056% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Số CMND/CCCD	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Hoàng Trọng Mận	026013758	Chồng	2.000	0,056%
Lê Văn Hải	160888259	Cha	1.000	0,028%
Nguyễn Thị Vịnh	035164000115	Mẹ	1.000	0,028%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.3. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

11.3.1. Ông Bùi Duy Tiên – Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Bùi Duy Tiên
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/11/1974
4. Nơi sinh: Đông Hòa, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân số: 013207305 - Nơi cấp: CA Hà Nội - Ngày cấp: 26/04/2012
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan (028) 3899 0099; Di động: 0912027956
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng Vnicc
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

Từ 2/2002 đến 12/2010	Xí nghiệp 19 Công ty Xây dựng 3/9 - Bộ Quốc Phòng	Đội trưởng
Từ 1/2011 đến 11/2012	Chi nhánh 8.3 - Công ty CP Đầu tư Xây dựng CONSTREXIM 8	Giám đốc
Từ 2/2013 đến 9/2015	Công ty Cổ phần Xây dựng An Hòa	Phó Giám đốc
Từ 12/2015 đến 30/06/2020	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/07/2020 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Tổng Giám đốc
Từ 01/04/2015 đến nay	Công ty cổ phần Xây dựng Vnicc	Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 302.000 cổ phần; tỷ lệ: 8,38% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 202.000 cổ phần; tỷ lệ: 5,61% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
▪ Hà Thị Quyên	034176003499	Vợ	100.000	2,77%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.3.2. Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Sơn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 20/04/1970
4. Nơi sinh: Thạch Hạ, Thạch Hà, Hà Tĩnh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: C2A Cư Xá Tân Cảng, Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
7. Chứng minh thư nhân dân số: 024352740 - Nơi cấp: CA TP. HCM - Ngày cấp: 08/01/2015
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan (028) 3899 0099; Di động: 0913188146
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Công trình Thủy lợi
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2002 đến 06/2004	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Trưởng phòng Kỹ thuật
07/2004 đến 05/2005	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Trưởng ban Công trình
06/2005 đến 09/2009	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Giám đốc Xí nghiệp 5
Từ 10/2009 - 10/2011	Đi học sau Đại học	
Từ 11/2011 - 2/2013	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Trưởng ban chỉ huy công trình
Từ 3/2013 - Nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 158.600 cổ phần; tỷ lệ: 4,403% VĐL
    - Sở hữu cá nhân: 158.500 cổ phần; tỷ lệ: 4,4% VĐL
    - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
    - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Hải	184340667	Em	100	0,003%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

11.3.3. Ông Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Hầu Văn Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 05/05/1966
4. Nơi sinh: Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 27 Thiên Thành, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
7. Chứng minh thư nhân dân số: 250470269 - Nơi cấp: CA tỉnh Lâm Đồng - Ngày cấp: 23/05/2018
8. Điện thoại liên hệ: Cơ quan: (028) 38990099; Di động: 0913934872
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng.

- Thành viên HĐQT CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1988 đến 11/1992	Lực lượng thanh niên xung phong tỉnh Lâm Đồng	Nhân viên kế toán
Từ 12/1992 đến 3/1999	Công ty Công nghiệp đá xuất khẩu tỉnh Lâm Đồng	Nhân viên kế toán Xí nghiệp vật liệu xây dựng cơ bản
Từ 4/1999 đến 4/2000	Công ty Xây dựng thủy lợi I Lâm Đồng	Nhân viên kế toán
Từ 5/2000 đến 7/2000	Công ty Xây dựng thủy lợi I Lâm Đồng	Kế toán trưởng
Từ 8/2000 đến 8/2017	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
Từ 03/2013 – nay	CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	Thành viên HĐQT
Từ 8/2017 đến nay	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Từ 12/2015 đến 04/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 04/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 1.836.000 cổ phần; tỷ lệ: 51% VĐL

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 1.836.000 cổ phần; tỷ lệ: 51% VĐL

Họ và tên	Số ĐKDN/CMT	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
CTCP ĐT&XD Thủy lợi Lâm Đồng	5800000424	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	1.836.000	51%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12. Tài sản

Bảng 21. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I. TSCĐ hữu hình	**38.272.599.146**	**20.507.600.682**	**53,58%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.005.244.239	9.597.951.893	79,95%
Máy móc thiết bị	20.837.997.065	9.165.734.264	43,99%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.253.812.387	1.709.794.096	32,54%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	175.545.455	34.120.429	19,44%
II. TSCĐ vô hình	**18.000.000.000**	**18.000.000.000**	**100%**
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	18.000.000.000	18.000.000.000	100%
Tổng Cộng	**56.272.599.146**	**38.507.600.682**	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.883.454.950 đồng.

Bảng 22. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2020

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I. TSCĐ hữu hình	**38.362.794.243**	**19.853.155.280**	**51,75%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.005.244.239	9.221.159.189	76,81%
Máy móc thiết bị	20.934.997.065	8.236.663.075	39,34%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.213.471.120	2.317.171.582	44,45%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	209.081.819	78.161.434	37,38%
II. TSCĐ vô hình	**18.000.000.000**	**18.000.000.000**	**100%**
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	18.000.000.000	18.000.000.000	100%
Tổng Cộng	**56.362.794.243**	**37.853.155.280**	

Nguồn: BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.469.455.775 đồng.

Bảng 23. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Chi phí sửa chữa kho 292 Cần Thơ	3.750.617.362	3.750.617.362	3.750.617.362
2	Xây dựng chi nhánh Sóc Trăng	-	245.163.439	245.163.439
3	Văn phòng mới tại 201/58 Nguyễn Xí, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1.687.141.921	-	-
4	Xây dựng kho xưởng Bến Lức – Long An (*)	-	-	17.195.928.971
Tổng cộng		**5.437.759.283**	**3.995.780.801**	**21.191.709.772**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

(*) Công trình này được Công ty tự xây dựng nhằm mục đích sử dụng kho xưởng để chứa thiết bị, máy móc và lắp đặt pin năng lượng mặt trời để sản xuất và cung cấp điện tiêu thụ.

Bảng 24. Các tài sản là đất đai, bất động sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức pháp lý
1	251-251A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	241,2	Cho thuê làm văn phòng	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Sử dụng lâu dài)
2	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	167,4	Văn phòng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (Đến hết ngày 01/01/2046)
3	Xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	7.703,0	Nhà xưởng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần (Đến hết ngày 03/12/2064)
4	Ấp Thành Phú, Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	9.639,7	Văn phòng – Bãi tập kết thiết bị sửa chữa	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (Đến hết ngày 05/03/2064)
5	51 Cách Mạng Tháng 8, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	1.110,7	Văn phòng Dịch vụ	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (Đến hết ngày 30/01/2024)
6	292 Cách Mạng Tháng 8, P.Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thủy, TP Cần Thơ	356,9	Cho thuê làm cơ sở sản xuất, kinh doanh	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (Đến hết ngày 02/03/2024)
7	Dường Phú Lợi, Khóm 3, Phường 2, TX. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	699,00	Văn phòng đại diện	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (Đến hết ngày 08/08/2054)

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo (*)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	% tăng giảm KH 2020/2019
Vốn điều lệ	36.000	36.000	-
Doanh thu thuần	131.687	200.000	51,88%
Lợi nhuận sau thuế	4.695	7.200	53,35%
Vốn chủ sở hữu	63.082	N/A	N/A
Tỷ lệ LNST/DTT	3,57%	3,60%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL (**)	13,04%	20%	-
Tỷ lệ cổ tức	8%	12%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

(*) Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức cho từng năm dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của năm liền trước và đánh giá của HĐQT về triển vọng phát triển trong năm tiếp theo; đồng thời trình ĐHĐCĐ thường niên hàng năm phê duyệt theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2021.

(**) ĐHĐCĐ thường niên 2020 không thông qua kế hoạch đối với chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu.

Căn cứ thực hiện kế hoạch:

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020, Công ty đã đặt ra một số mục tiêu cần tập trung và đẩy mạnh thực hiện như sau:

- ***Về quản lý thực hiện:***
  - Tăng cường, đề cao giá trị của các cán bộ nhân viên, nhất là trong công tác phối hợp hoạt động.
  - Các chương trình và chính sách quản lý vẫn phải luôn cập nhật và thay đổi linh hoạt để có thể phù hợp với lực lượng lao động của Công ty.
  - Khuyến khích, hỗ trợ các nhân viên tiêu biểu, làm việc hiệu quả; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng các quy định liên quan trong công việc.
- ***Về quá trình thực hiện thi công công trình:***
  - Nhanh chóng khắc phục các lỗi máy móc, các chi phí chìm, giảm thiểu chi phí cho các công đoạn kiểm tra và thực hiện không hiệu quả;
  - Tăng cường tiết kiệm tất cả các chi phí dư thừa và hư hỏng có thể tránh; linh hoạt sử dụng các công nghệ và máy móc hiện đại giúp giảm thiểu chi phí nhưng vẫn mang lại hiệu quả cao;
  - Đề cao và khuyến khích tính tự giác và trách nhiệm đối với công việc của người lao động.
- ***Về công tác tìm kiếm và quản lý khách hàng:***
  - Tiếp tục liên hệ, tiếp cận với các chủ đầu tư, các khách hàng để giới thiệu các dịch vụ nhằm tìm kiếm cơ hội ký kết hợp đồng mới, gia tăng nguồn thu cho Công ty.
  - Chú trọng công tác quản lý khoản phải thu, không để phát sinh nợ khó đòi nhằm hạn chế xảy ra tình trạng bị chiếm dụng vốn trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- ***Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020:***

Bảng 26. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 09 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch 2020	% Thực hiện so với KH (%)
Doanh thu thuần	66.735	200.000	33,37%
Lợi nhuận sau thuế	3.517	7.200	48,85%

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Theo số liệu BCTC Quý III/2020 tự lập của CTCP Đầu tư và Xây dựng 40, Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2020 của Công ty đạt 66.735 triệu đồng, hoàn thành khoảng 33,37% kế hoạch năm 2020, lợi nhuận sau thuế 09 tháng đầu năm 2020 đạt 3.517 triệu đồng, hoàn thành 48,85% kế hoạch năm 2020.

Tỷ lệ thực hiện kế hoạch trong 9 tháng đầu năm 2020 còn thấp do hoạt động thi công công trình bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như dịch Covid-19 và việc giải phóng mặt bằng kéo dài dẫn đến một số công trình bị chậm tiến độ thi công.

Theo số liệu ước tính của Công ty, Doanh thu thuần Quý IV/2020 dự kiến đạt khoảng 100 tỷ đồng, lũy kế cả năm 2020 đạt khoảng 170 tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch năm 2020); Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2020 đạt khoảng 3,7 tỷ đồng, lũy kế cả năm 2020 đạt khoảng 7,2 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch năm 2020). Cơ sở ước tính là do trong Quý III/2020, Công ty đã trúng thầu thêm một số công trình và đã bắt đầu triển khai thi công. Bên cạnh đó, Công ty đang tiếp tục đẩy mạnh thi công các công trình khác như Gói 11 Sóc Trăng, Gói 12 Cống Ngăn Rô, Công trình Vàm Cỏ Đông.... Dự kiến giá trị nghiệm thu trong quý IV năm 2020 của một số công trình như sau: gói Rạch Bình Nhâm 50 tỷ; gói 1.6 kè sông Cần Thơ 10 tỷ, Gói 11 Ba Thê - An Giang 15 tỷ, trạm bơm cống Xuân Hòa 6 tỷ, Tuyến Suối Nhum 6 tỷ đồng... Ban lãnh đạo Công ty đang cố gắng đốc thúc triển khai các dự án để có thể hoàn thành tối đa kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty trong năm 2020 sẽ chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố liên quan đến chi phí của các công trình quan trọng mà công ty đang thực hiện, kể cả các công trình chưa được chủ đầu tư bàn giao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, đưa ra quyết định đầu tư. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ĐKNY

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 3.600.000 cổ phiếu
4. **Mã cổ phiếu:** L40
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Cam kết nắm giữ 100% trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Cam kết nắm giữ 50% trong thời hạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
1	Lê Đình Hiển	Chủ tịch HĐQT	17.710	17.710	8.855
2	Hà Huy Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	15.000	15.000	7.500
3	Bùi Trung Thu	Thành viên HĐQT	750.000	750.000	375.000
4	Nguyễn Thị Hoa	Trưởng BKS	56.100	56.100	28.050
5	Dương Văn Vang	Thành viên BKS	35.300	35.300	17.650
6	Lê Thị Thủy	Thành viên BKS	2.000	2.000	1.000
7	Bùi Duy Tiên	TGĐ	202.000	202.000	101.000
8	Nguyễn Văn Sơn	PTGĐ	158.500	158.500	79.250
9	Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng	-	-	-
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng	Cổ đông lớn; Người có liên quan đến ông Lê Đình Hiển (Chủ tịch HĐQT) và ông Hầu Văn Tuấn (Kế toán trưởng)	1.836.000	1.836.000	918.000
	Tổng		**3.072.610**	**3.072.610**	**1.536.305**

6. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

7. Phương pháp tính giá

7.1. Giá trị sổ sách

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vốn chủ sở hữu (Đồng)	62.896.945.610	63.082.361.531	63.597.063.466
Số cổ phiếu đang lưu hành (Cổ phiếu)	3.577.000	3.577.000	3.577.000
Giá trị sổ sách (Đồng/cổ phiếu)	17.584	17.636	17.779

7.2. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (*gọi tắt là phương pháp so sánh P/E);*
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (*Gọi tắt là phương pháp P/BV).*

Cụ thể:

- Phương pháp so sánh P/E: Phương pháp này dựa trên thu nhập năm 2019 của L40 và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Phương pháp so sánh P/BV: Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2019 của L40 và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Dựa vào các phương pháp tính giá và tình hình thực tế, Công ty sẽ có văn bản chính thức xác định mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 phù hợp với quy định tại thời điểm niêm yết.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 26/6/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Điều 11 Thông tư số 123/2017/TT-BTC ngày 19/8/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- *Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế,*
- *Nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó,*

- *Nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%,*
- *Công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.*

Căn cứ ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và quy định hiện hành về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài áp dụng tại L40 là 49% vốn điều lệ.

Tính đến ngày 04/06/2020, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN là 20%.

9.2. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế VAT của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

9.3. Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân..., Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

9.4. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- *Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.*
- *Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:*
    - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư tổ chức thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009. Theo đó, nhà đầu tư tổ chức phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- *Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu*
- *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư*

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

9.5. Các ưu đãi thuế mà công ty đang được áp dụng

Không có.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

- Địa chỉ: Tầng 2 – 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3773 7070 Fax: (024) 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 6290 8686 Fax: (028) 6291 0560
- Website: www.fpts.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

- Địa chỉ: Lầu 05, Tòa nhà Sài Gòn 3, Số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3827 5026 Fax: (028) 3827 5027
- Website: www.rsm.global/vietnam

VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;
4. Báo cáo tài chính Quý III năm 2020.

Người chịu trách nhiệm nội dung BCB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2020

TỔ CHỨC NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40
TỔNG GIÁM ĐỐC M.S.D.N: 1800421390 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40 Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH **BÙI DUY TIÊN**

Người chịu trách nhiệm nội dung BCB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2020

TỔ CHỨC NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40	
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **LÊ ĐÌNH HIỂN**	
KẾ TOÁN TRƯỞNG **HẦU VĂN TUẤN**	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT** **NGUYỄN THỊ HOA**
TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM	
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP **LÊ QUANG NGỌC THANH**	